

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2024

V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trần Hiếu

Ông Hồ Hoàng Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Lan T**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Số A đường L, khu V, phường C, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **LIU Y**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số B, đường B, khu phố V, huyện T, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Lan T trình bày và yêu cầu:

Năm 2019 bà quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân với ông Liu Y1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ số 303 ngày 26/12/2019, theo Trích lục kết hôn (bản sao) số 74/TLKH-BS ngày 22/7/2020. Sau khi kết hôn, bà có sang Trung Quốc sinh sống với ông Liu Y1. Thời gian đầu bà và ông Liu Y1 chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 thì giữa ông bà thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vun đắp tình cảm, khiến vợ chồng ngày càng xa cách,

mặt dù nhiều lần cố gắng hàn gắn để tiếp tục chung sống nhưng không đem lại kết quả nên tháng 3/2020 thì bà trở về Việt Nam.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Liu Y1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Liu Y1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thu thập được ý kiến của ông.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, do hai bên bất đồng quan điểm, thời gian sống ly thân kéo dài, hai bên không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Lê Thị Lan T được ly hôn với ông Liu Y1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Lan T khởi kiện xin ly hôn với ông Liu Y1 cư trú tại Trung Quốc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lê Thị Lan T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông Liu Y1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo hợp lệ về thời gian mở phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Liu Y1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Ô ngày 26/12/2019, theo Trích lục kết hôn (Bản sao) số 74/TLKH-BS ngày 22/7/2020 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà Lan T trình bày, sau khi kết hôn, bà có sang Trung Quốc sinh sống với ông Liu Y1. Thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 3/2020, bà trở về Việt Nam và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Do giữa hai người không tình cảm nên bà xin được ly hôn với ông Liu Y1.

Xét thấy, giữa bà Lan T và ông Liu Y1 sau khi kết hôn có thời gian chung sống cùng nhau. Nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn nên ông bà đã sống ly thân trong thời gian dài, mỗi người cư trú ở một quốc gia, không quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm thật sự phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân chỉ còn tồn tại trên mặt giấy tờ nên chấp nhận cho bà Lan T được ly hôn với ông Liu Y1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Lan T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và lệ phí ủy thác, chi phí thông báo tố tụng, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, khoản 2 Điều 227, khoản 6 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Lan T.
- Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Lan T được ly hôn với ông Liu Y1.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Lan T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Lan T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm bà Lan T đã nộp theo Biên lai thu số 0001673 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà Lan T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Lan T phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0001798 ngày 15/5/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Lan T còn phải chịu chi phí đăng thông báo tố tụng cho ông Liu Y1. Bà Lan T đã nộp đủ chi phí tố tụng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Lan T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết; Ông Liu Y1 được quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo luật định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPCT;
- Cục THA DS TPCT;
- UBND Q Ô Môn;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Võ Bảo Anh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Hiếu Hồ Hoàng Diệu Võ Bảo Anh